

Bản án số: 1279/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 -08-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Thanh

2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 17/08/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 496/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1974, địa chỉ: Nguyễn Thái S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971, địa chỉ: Nguyễn Thái S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/03/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Bà D và ông Nguyễn Văn D sống chung năm 1998, đăng ký kết hôn vào năm 1999, tại Ủy ban nhân dân Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có hai con chung là Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 28/08/1999 và Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 17/09/2008. Hạnh phúc gia đình kéo dài được 24 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Anh Toàn, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Hoàng Anh Tuấn đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung bà khai không có.

Ngày 06/07/2022 bà D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn D là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn đang cư trú tại quận Gò Vấp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn bà D vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông D, bà D ngày 13/08/1999 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà D yêu cầu được ly hôn với ông D vì cho rằng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn.

Ông D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành ghi lời khai và hòa giải, nhưng ông D vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng

không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà D. Điều này thể hiện ông D không có nguyện vọng được hàn gắn tình cảm, không muốn duy trì tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Nay bà D kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông D đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà D yêu cầu giải quyết ly hôn với ông D là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con cũng như xem xét nguyện vọng của con. Hiện nay trẻ Nguyễn Hoàng Anh Toàn đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Trẻ Toàn có nguyện vọng ở với bà D. Ông D không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì về con chung, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà D, giao con chung là trẻ Toàn cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông D đến khi nào bà D có đơn yêu cầu. Vì quyền lợi con chung, sau này bà D hoặc ông D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Nguyễn Hoàng Anh Tuấn hiện nay đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Văn D. (Giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông D, bà D ngày 13/8/1999 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 17/09/2008 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông D đến khi nào bà D có đơn yêu cầu.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông D.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 1999, đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà D chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0048075 ngày 12/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- UBND phường Tân Định, Q.1,
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Tô Văn Mạnh